BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3127/QĐ-BCT	*Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực cụm công nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 351/2026/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 385/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 303/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 69/2026/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực cụm công nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2026 và thay thế nội dung công bố thủ tục hành chính Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp tại mục 64B phần A Phụ lục I Quyết định số 1040/QĐ-BCT ngày 02 tháng 5 năm 2026 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được

sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quyết định này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng quy định tại văn bản mới.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Công nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban nhân dân, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Văn phòng Bộ (Phòng CCHC);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, CN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Ký bởi: VĂN PHÒNG
Email: vpbct@moit.gov.vn
Cơ quan: BỘ CÔNG THƯƠNG
Ngày ký: 23-11-2026 18:20:32 +07:00

Phan Thị Thắng

PHỤ LỤC

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC CỤM CÔNG NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3127 /QĐ-BCT ngày 23 / 11/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực cụm công nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	1.012427	Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp	Nghị định số 303/2026/NĐ-CP ngày 01/8/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp Thông tư số 69/2026/TT-BCT ngày 30/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp	Cụm công nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Công Thương)

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

Thủ tục hành chính cấp tỉnh:

Tên thủ tục: Thủ tục Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp quy định tại các điểm b, d và đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 303/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ và kèm theo tệp tin điện tử của hồ sơ gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã theo một trong các hình thức: nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước theo quy định.

Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầu tiên của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo rộng rãi việc tiếp tục nhận hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương. Thời hạn nhận hồ sơ trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo.

Bước 2. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã lập Tờ trình đề nghị thành lập, mở rộng và kèm theo tệp tin điện tử hồ sơ của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị, gửi Sở Công Thương để chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thẩm định.

Bước 3. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, Sở Công Thương hoàn thành thẩm định, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc thành lập, mở rộng cụm công nghiệp. Trường hợp hồ sơ, nội dung báo cáo thành lập, mở rộng cụm công nghiệp không đáp ứng yêu cầu, Sở Công Thương có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

Việc lựa chọn doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP).

Bước 4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp kèm báo cáo thẩm định của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc thành lập, mở rộng cụm công nghiệp và thông báo cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu

tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp về kết quả lựa chọn chủ đầu tư. Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp (*theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 69/2026/TT-BCT ngày 30/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)* gửi Bộ Công Thương để theo dõi.

Trường hợp cụm công nghiệp có điều chỉnh về tên gọi, vị trí thay đổi trong địa giới hành chính cấp xã, diện tích tăng không quá 05 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác trên địa bàn thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định tại Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp đồng thời cập nhật nội dung thay đổi tại kỳ lập, điều chỉnh quy hoạch tỉnh tiếp theo.

2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ theo một trong các hình thức:

- Trực tiếp;

- Qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước theo quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp (do doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức thực hiện) bao gồm:

+ Văn bản của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (trong đó có cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật và chịu mọi chi phí, rủi ro nếu không được chấp thuận) theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Thông tư số 69/2026/TT-BCT ngày 30/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương kèm theo Báo cáo đầu tư thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp và bản đồ xác định vị trí, ranh giới của cụm công nghiệp;

+ Bản sao hợp lệ tài liệu chứng minh năng lực tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính (nếu có);

+ Bản sao hợp lệ tài liệu chứng minh kinh nghiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các văn bản, tài liệu khác có liên quan (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ và kèm theo tệp tin điện tử của hồ sơ.

4. Thời hạn giải quyết:

Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 303/2026/NĐ-CP, trong đó thời hạn giải quyết: Bước 1 thực hiện trong 02 ngày làm việc để thông báo tiếp nhận hồ sơ và 05 ngày làm việc để nhận hồ sơ; Bước 2 thực hiện trong 05 ngày làm việc; Bước 3 thực hiện trong 20 ngày làm việc; Bước 4 thực hiện trong 05 ngày làm việc.

Tổng thời hạn giải quyết: 37 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Công Thương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

8. Lệ phí: Không thu phí.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Văn bản đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

- Mẫu số 02: Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thành lập cụm công nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Có trong danh mục các cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có quỹ đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh hoặc chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh được xác định đến đơn vị hành chính cấp xã;

+ Có doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức có tư cách pháp lý, có năng lực đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

+ Trong trường hợp địa bàn cấp xã đã thành lập cụm công nghiệp thì tỷ lệ lấp đầy trung bình của các cụm công nghiệp đạt trên 50% hoặc tổng quỹ đất công nghiệp chưa cho thuê của các cụm công nghiệp không vượt quá 50 ha. Trường hợp thành lập cụm công nghiệp công nghệ cao, cụm công nghiệp sinh thái thì không phải thực hiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP).

- Mở rộng cụm công nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Tổng diện tích cụm công nghiệp sau khi mở rộng không vượt quá 75 ha; có quỹ đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh hoặc chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh được xác định đến đơn vị hành chính cấp xã;

+ Có doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức có tư cách pháp lý, có năng lực đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

+ Đạt tỷ lệ lấp đầy ít nhất 50% hoặc nhu cầu thuê đất công nghiệp trong cụm công nghiệp vượt quá diện tích đất công nghiệp hiện có của cụm công nghiệp;

+ Hoàn thành xây dựng, đưa vào sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung thiết yếu của cụm công nghiệp (gồm: Đường giao thông nội bộ, cấp nước, thu gom và xử lý nước thải, rác thải, phòng cháy chữa cháy) theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt. Điều kiện này không áp dụng đối với cụm công nghiệp hình thành trước Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Nghị định số 303/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Thông tư số 69/2026/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương./.

Mẫu số 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp ...

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố …

… *(Tên đơn vị)* … đề nghị làm chủ đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp … với các thông tin chính như sau:

I. Thông tin đơn vị đề nghị làm chủ đầu tư

1. Tên đơn vị: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: ……...
3. Điện thoại: ……; Fax: …… ; Email: ……..……
4. Mã số doanh nghiệp (hoặc mã số thuế): .....
5. Ngành nghề kinh doanh chính: .....
6. Người đại diện theo pháp luật: …… Chức danh: …….
7. Nội dung khác liên quan *(nếu có).*

II. Thông tin dự án đề nghị đầu tư

1. Tên dự án: ……..…….…….
2. Diện tích: …….
3. Địa điểm thực hiện: .....
4. Ngành, nghề thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp: …….……
5. Loại hình cụm công nghiệp (nếu có): ……..……
6. Tổng mức đầu tư tạm tính của dự án, cơ cấu nguồn vốn đầu tư: .....
7. Tiến độ đầu tư: ……..……..
8. Thời hạn hoạt động của dự án: ……
9. Nội dung khác liên quan *(nếu có).*

III. Cam kết của đơn vị đề nghị làm chủ đầu tư

Đơn vị cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản đề nghị này và chịu mọi chi phí, rủi ro nếu không được chấp thuận; chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. Hồ sơ kèm theo

- Báo cáo đầu tư thành lập/mở rộng cụm công nghiệp (nội dung chủ yếu quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ); bản đồ xác định vị trí, ranh giới của cụm công nghiệp;

- Các văn bản, tài liệu quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

- Văn bản, tài liệu liên quan khác *(nếu có)./.*

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Công Thương …;
- Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi có cụm công nghiệp);
- Lưu: ….

....., ngày ... tháng ... năm ....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
(Chữ ký, họ và tên, chức danh, dấu)

Mẫu số 02

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH/THÀNH PHỐ** …	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …/QĐ-UBND	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp …

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ …

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ...

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 303/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh/thành phố ... thời kỳ...;

Căn cứ……..;

Theo đề nghị của……

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên gọi, diện tích, địa điểm của cụm công nghiệp.

2. Ngành, nghề thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp.

3. Loại hình cụm công nghiệp (nếu có).

4. Tổ chức, cá nhân thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp (trong đó nêu rõ diện tích đất tối thiểu của cụm công nghiệp dành cho các doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo).

5. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

6. Quy mô đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, dự kiến tổng mức vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư.

7. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

8. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, cơ quan có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

Điều 4. Thời điểm có hiệu lực của Quyết định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp và các nội dung khác liên quan./.

Nơi nhận:
- …..;
- Bộ Công Thương (để báo cáo);
- …
- Lưu: ….

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên